

Bản án số: 237/2023/DS-PT
Ngày: 30/5/2023
V/v: “Tr/c HĐ vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Liên

Các Thẩm phán: 1. Ông Bùi Thanh Quốc

2. Bà Nguyễn Thị Trang Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố
Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
111/TBTL-TA, ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2023
của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2023/QĐXX-PT ngày 24
tháng 4 năm 2023; Quyết định số 216/2023/QĐPT-DS ngày 16 tháng 5 năm
2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Thành S**, sinh năm 2000; Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ,
huyện T, thành phố Cần Thơ (*Có mặt*)

2. Bị đơn: Ông **Lê Phước M**, sinh năm 1952; Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện
T, thành phố Cần Thơ (*Có mặt*)

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Bà **Trần Thị M**, sinh năm:
1985; Địa chỉ: C 16, Lầu 2, Chung cư Mậu Thân, phường An Hòa, quận ninh
Kiều, thành phố Cần Thơ (*Có mặt*)

Người kháng cáo: Bị đơn ông **Lê Phước M**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án,

nguyên đơn ông Lê Thành S trình bày:

Vào tháng 6 năm 2019 ông có cho ông Lê Phước M mượn 30.000.000 đồng, 05 ngày sau ông M mượn thêm 25.000.000 đồng, khoảng hai mươi mấy ngày sau ông M mượn thêm 60.000.000 đồng, khoảng thêm 01 tháng sau kể từ ngày mượn 60.000.000 đồng thì ông M có mượn thêm 116.000.000 đồng, nửa tháng sau kể từ ngày cho mượn 116.000.000 đồng thì ông M mượn thêm 150.000.000 đồng, khoảng 05 ngày sau kể từ ngày mượn 150.000.000 đồng thì ông M mượn của ông thêm 90.000.000 đồng; Khoảng 2 tháng sau thì ông M có mượn thêm của ông 211.000.000 đồng. Tổng cộng là 536.000.000 đồng. Những lần mượn trước đây không có làm biên nhận và không có lấy tiền lãi. Ông M hẹn khoảng 01 năm sẽ trả cho ông nhưng ông M không trả. Sau đó ông Lê Phước M có làm tờ cam kết đề ngày 25 tháng 3 năm 2022 với nội dung: *“Tôi có hỏi tiền của anh Lê Thành S sinh năm 2000, quê ở ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ với tổng số tiền là: 490.000.000đ (bốn trăm chín chục triệu đồng) vào tháng sáu năm 2020 và tôi có hứa trả cho anh S nhưng đến nay tôi vẫn chưa trả. Hôm nay tôi xin hứa sẽ trả hết cho anh S một lần trong vòng 1 tháng (là tháng 3 năm 2022) với số tiền 490.000.000đ (bốn trăm chín mươi triệu đồng).* Tờ cam kết này là do ông M lập tự viết ngày tháng năm sinh, số Căn cước công dân, ngày tháng cam kết và ký tên ghi họ tên. Ông M làm 02 tờ cam kết, ông M giữ 01 bản và ông giữ 01 bản. Về mối quan hệ thì ông gọi ông M là bác ruột.

Do ông M không trả tiền cho ông theo cam kết nên ông khởi kiện yêu cầu ông M có trách nhiệm trả số tiền 490.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả là 19.600.000 đồng.

- Về phía bị đơn ông Lê Phước M có lời khai ngày 15/9/2022 thể hiện trong hồ sơ vụ án như sau:

Ông S yêu cầu ông M trả số tiền 490.000.000 đồng tiền mượn và 19.600.000 đồng tiền lãi vào tháng sáu năm 2020 là không có như trong đơn. Trong lúc ông say xỉn thì Lê Thành S lên nhà ông kêu ông và ép buộc, không chế buộc ông phải ký vào tờ đơn nhưng ông không rõ trong đơn Lê Thành S ghi gì và mắt ông thì nhìn không rõ, ông không đọc được đơn nên Lê Thành S buộc ông ký, đến khi ông tỉnh rượu ông đã đọc được và có nhiều lần có trình báo Công an xã Đông Thuận nhưng chưa được giải quyết và Lê Thành S nhiều lần lên nhà ông quậy phá trong lúc ông say xỉn.

Tại Bản án sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Buộc ông Lê Phước M có trách nhiệm trả cho ông Lê Thành S số tiền vốn gốc là 490.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 19.600.000 đồng.

Đối với số tiền phải thi hành thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 17/02/2023 bị đơn ông Lê Phước M kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông phải trả tiền cho nguyên đơn ông Lê Thành S; và ngày 20/02/2023 ông M có đơn kháng cáo bổ sung cho rằng ông không có vay tiền của ông S nên yêu cầu hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn; nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 490.000.000 đồng theo như Tờ cam kết, và đồng ý không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi 19.600.000 đồng cho nguyên đơn. Nguyên đơn cũng trình bày là số tiền nguyên đơn cho bị đơn mượn tổng cộng là 682.000.000 đồng, sau đó bị đơn có trả được một số còn lại số tiền 536.000.000 đồng, nhưng khi ký Tờ cam kết thì bị đơn chỉ ghi số tiền còn có 490.000.000 đồng và nguyên đơn cũng đồng ý.

- Đại diện ủy quyền cho bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn thừa nhận có ký Tờ cam kết ghi ngày 25 tháng 3 năm 2022 nhưng cho rằng do nguyên đơn ép buộc, khống chế buộc bị đơn phải ký trong lúc bị đơn say xỉn, bị đơn có trình báo Công an xã Đông Thuận nhưng chưa được giải quyết, bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh, nhưng bị đơn không đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của nguyên đơn vì bị đơn không có nhận tiền của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 490.000.000 đồng theo Tờ cam kết 25/3/2022 là không có căn cứ chấp nhận; kháng cáo của bị đơn ông Lê Phước M là có căn cứ nên chấp nhận.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phần án phí: nguyên đơn ông Lê Thành S phải nộp 24.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Lê Thành S khởi kiện bị đơn ông Lê Phước M để đòi số tiền 490.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 19.600.000 đồng. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thụ lý, giải quyết là đúng quy định, đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Phước M kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại, lý do bị đơn cho rằng bị đơn không vay mượn tiền của nguyên đơn ông Lê Thành S nên không đồng ý trả số tiền 490.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 19.600.000 đồng cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn ông S khởi kiện đòi bị đơn ông M phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn tổng cộng là 490.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 19.600.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Tờ cam kết lập ngày 25 tháng 3 năm 2022; Về phía bị đơn ông M thừa nhận là ông M có ký tên vào Tờ cam kết này nhưng cho rằng trong lúc say xỉn bị đơn đã bị nguyên đơn ép buộc, không chế bắt bị đơn ký vào Tờ cam kết nhưng không rõ nội dung ghi gì cho đến lúc tỉnh rượu thì bị đơn mới biết và có trình báo với chính quyền địa phương nhưng chưa được giải quyết, tuy nhiên ông M không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho việc bị ép buộc hay bị khống chế này, cũng như việc có trình báo với chính quyền địa phương. Xét việc bị đơn thừa nhận có ký tên vào Tờ cam kết nêu trên nên đây là chứng cứ nguyên đơn không phải chứng minh, do đó ông M phải chịu trách nhiệm trả khoản tiền 490.000.000 đồng này cho ông S là có cơ sở.

Đối với số tiền lãi 19.600.000 đồng tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý không yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng, nguyên đơn ông S cho bị đơn ông M mượn tiền nhưng không có biên nhận, không người làm chứng, phía ông M không thừa nhận có nhận tiền nên nghĩa vụ chứng minh là của nguyên đơn, nguyên đơn không chứng minh được việc có đưa tiền cho bị đơn nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Tờ cam kết có chữ ký của bị đơn mà buộc bị đơn trả số tiền 490.000.000 đồng là chưa đủ căn cứ; tại thời điểm tháng 6/2019 nguyên đơn mới 19 tuổi, nghề nghiệp làm ruộng, làm thuê, làm mướn, gia đình khó khăn,...nên không chứng minh được số tiền 682.000.000 đồng là của nguyên đơn; việc bị đơn thừa nhận có ký tên vào Tờ cam kết nhưng không nhận tiền và việc nguyên đơn khởi kiện nhưng không chứng minh được việc nguyên đơn đã đưa tiền cho bị đơn nên không thể quy kết bị đơn có ký tên vào Tờ cam kết là đã nhận tiền để buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/5/2023 đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để Viện kiểm sát đi xác minh, thu thập chứng cứ, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát trình bày là không cung cấp các tài liệu chứng cứ đã xác minh cho Hội đồng xét xử phúc thẩm mà các chứng cứ xác minh, thu thập được Viện kiểm sát để phục vụ cho công tác giám đốc thẩm vụ án.

Xét thấy, quan điểm này của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp, bởi lẽ như đã phân tích ở trên việc bị đơn thừa nhận có ký Tờ cam kết lập ngày 25 tháng 3 năm 2022 nên đây là chứng cứ nguyên đơn không phải chứng minh và đã đủ cơ sở để buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn không cần phải chứng minh việc có giao tiền, phải có biên nhận các lần giao tiền, hay phải có người làm chứng; mặt khác cũng không thể dựa vào việc cho rằng khi thực hiện giao dịch nguyên đơn chỉ mới 19 tuổi, hay dựa vào nghề nghiệp, gia cảnh,... để quy kết cho rằng nguyên đơn không có đủ điều kiện có tiền để cho vay mượn, bởi vì các ý kiến này chỉ là sự suy diễn mang tính chủ quan; đối với số tiền 490.000.000 đồng được ghi trong Tờ cam kết thấp hơn tổng số tiền cho mượn như nguyên đơn đã có trình bày là bị đơn có trả cho nguyên đơn được một số nên số tiền còn lại là 536.000.000 đồng, nhưng khi ký Tờ cam kết thì bị đơn chỉ ghi số tiền có 490.000.000 đồng thì nguyên đơn cũng đồng ý. Việc bị đơn nại ra bản thân bị nghiện rượu cũng không phải là lý do để cho rằng bị đơn không có hỏi mượn tiền nguyên đơn. Mặt khác, ông M cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc bị đơn bị hạn chế hay mất năng lực

hành vi dân sự. Ngoài ra, giữa nguyên đơn và bị đơn còn có mối quan hệ bà con với nhau, ông S gọi ông M là bác ruột nên việc vay mượn với nhau cũng sẽ dễ dàng thực hiện hơn. Đối với việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để Viện kiểm sát đi xác minh, thu thập chứng cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía đại diện Viện kiểm sát không cung cấp các tài liệu này cho Hội đồng xét xử nên xem như không có chứng cứ mới phát sinh để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Xét thấy, cần thiết điều chỉnh lại án sơ thẩm về việc tính lãi trong giai đoạn thi hành án như sau cho phù hợp với quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên là không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên do bị đơn là người cao tuổi nên bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của Viện kiểm sát không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Phước M. Giữ y bản án sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Buộc ông Lê Phước M có trách nhiệm trả cho ông Lê Thành S số tiền vốn gốc là 490.000.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi triệu đồng*);

Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi 19.600.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm:

- Bị đơn ông Lê Phước M được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm do bị đơn là người cao tuổi.

- Nguyên đơn ông Lê Thành S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 6.096.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005784 ngày 01 tháng 11 năm 2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án này là phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND huyện Thới Lai ;
- THA DShuyện Thới Lai;
- Lưu hồ sơ.

(*Đã ký*)

Trương Thị Liên